

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 04/05/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 53

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, tôi giảng kinh văn phẩm thứ hai mươi mốt.

PHẨM HAI MƯƠI MỐT: BẢO LIÊN PHẬT QUANG

Kinh văn phẩm này giảng về hoa sen báu trong nước Cực Lạc. Mỗi một hoa sen báu đều có ánh sáng màu sắc vi diệu. Trong mỗi tia sáng lại hiện ra ngàn ức Phật, mỗi một vị Phật nói pháp vi diệu, an lập vô lượng chúng sanh. Trùng trùng vô tận như vậy, công đức không thể nghĩ bàn. Dùng điều này để biểu thị cho cảnh giới trong nước không chỉ là diệu tướng, mà đồng thời còn có vô biên diệu dụng.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Lại có nhiều hoa sen báu đầy khắp thế giới. Mỗi một hoa báu có trăm ngàn ức cánh. Ánh sáng của hoa ấy có vô lượng màu: màu xanh ánh sáng xanh, màu trắng ánh sáng trắng, huyền, vàng, đỏ, tía. Màu sắc và ánh sáng cũng là như vậy. Còn có vô lượng diệu bảo, trăm ngàn ma-ni, tôn lên ánh rạng rỡ quý hiếm, chói ngời như nhật nguyệt. Kích thước hoa sen, hoặc nửa do-tuần, hoặc một hai ba bốn do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần. Trong mỗi hoa sen phóng ra ba mươi sáu trăm ngàn ức tia sáng.

Trong nước Cực Lạc, có hoa sen do các báu hợp thành, phân bố đầy khắp toàn bộ thế giới. “Mỗi một hoa báu” đều có trăm ngàn ức cánh hoa. Những hoa sen này đều do ánh sáng tạo thành, hoa chính là ánh sáng. Ví dụ, ba ngày trước lễ trà-tỳ của đại sư Quảng Khâm, trên không trung xuất hiện hoa sen, từ những bức ảnh chụp được có thể thấy rõ, bản thể của hoa sen chính là ánh sáng. Trong ánh sáng có vô lượng diệu sắc, hoa màu gì thì phóng ra ánh sáng màu đó, như hoa xanh phóng ánh sáng xanh, hoa trắng phóng ánh sáng trắng. Các màu cơ bản bao gồm: xanh, trắng, huyền, vàng, chu và các màu pha trộn. Xanh, trắng, huyền là

chỉ cho sắc đen; vàng và chu là chỉ sắc đỏ tươi, tía là đại diện cho các màu sắc khác.

Còn có vô lượng diệu bảo cùng trăm ngàn loại ma-ni tôn lên ánh rạng rỡ trên hoa. Quán kinh nói: “Trong mỗi cánh hoa có trăm ức châu ma-ni vương dùng để tôn lên ánh rạng rỡ. Mỗi một viên ngọc ma-ni phóng ra ngàn tia sáng.” Do vậy, gọi là “tôn lên ánh rạng rỡ quý hiếm”. “Ánh rạng rỡ” là chỉ sự chiếu sáng rạng ngời, “tôn lên” là chỉ cho làm nổi bật. “Quý” là quý giá, “hiếm” là kỳ lạ đặc biệt. Các ma-ni báu đều là những diệu bảo quý hiếm phóng quang, ánh sáng có nhiều màu sắc, màu sắc lại phóng quang, soi chiếu lẫn nhau, làm nổi bật rạng rỡ cho nhau, ánh sáng hiển hiện chói ngời như nhật nguyệt. Kích thước của hoa sen hoặc nửa do-tuần, hoặc một hai ba bốn do-tuần, hoặc trăm ngàn do-tuần, lớn nhỏ khác nhau. “Trong mỗi hoa sen phóng ra ba mươi sáu trăm ngàn ức tia sáng”, “trăm ngàn ức” là một số lượng rất lớn.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Trong mỗi tia sáng hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật, sắc thân tử kim, tướng tốt thù đặc. Mỗi một vị Phật lại phóng ra trăm ngàn tia sáng, rộng nói pháp vi diệu cho mười phương. Chư Phật như thế, mỗi vị an lập vô lượng chúng sanh trong chánh đạo của Phật.

Trong mỗi tia sáng hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật, vì sao gọi là ba mươi sáu trăm ngàn ức? Hoàng Niệm lão nói, tôi chưa thấy cách giải thích nào khác, đành tạm đưa ra lời giải thích của mình. Bởi vì thế giới Cực Lạc có bốn cõi, mỗi cõi đều có chín phẩm, vừa đúng là ba mươi sáu phẩm. Mỗi một phẩm đều có trăm ngàn ức hoa sen, mỗi một đóa sen đều có ánh sáng của tất cả các hoa sen khác, do vậy mỗi một đóa sen đều có ba mươi sáu trăm ngàn ức tia sáng.

Trong tia sáng hiện ra Phật, “trong mỗi tia sáng hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật”. Thù thắng hơn nữa là thế giới Cực Lạc có cảnh giới trùng trùng vô tận. Trong một cõi nước Phật của A-di-đà Phật, đâu đâu cũng là hoa sen, mỗi một hoa sen phóng ra ba mươi sáu trăm ngàn ức tia sáng, trong mỗi tia sáng hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật. “Mỗi một vị Phật lại phóng ra trăm ngàn tia sáng, rộng nói pháp vi diệu cho mười phương.” Mỗi một vị Phật, “mỗi vị an lập vô lượng chúng sanh trong chánh đạo của Phật”.

Có thể thấy, nhiều Phật như vậy không phải là diệu tướng được quyền xảo thị hiện ra, mà các Như Lai có vô biên diệu dụng chân thật. Đã như vậy, mỗi một vị Phật có cõi nước, có vô lượng hoa sen, mỗi hoa sen phóng ra ba mươi sáu trăm

ngàn ức tia sáng, trong mỗi tia sáng hiện ra Phật. Cõi Phật lại có hoa, hoa lại phóng quang, tia sáng lại hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật, trùng trùng vô tận. Do vậy, cảnh giới trùng trùng vô tận này vượt ngoài tình kiến, không phải là điều mà tình kiến của chúng sanh có thể đạt tới.

Ví như rọi hai tấm gương vào nhau cũng sẽ xuất hiện sự trùng trùng vô tận, cho nên phải tin vào những điều không thể nghĩ bàn mà Phật đã nói. Hiện nay, có một số người muốn làm khảo chứng, họ muốn tìm ra những thứ có thể nghĩ bàn. Đối với những thứ có thể nghĩ bàn thì thừa nhận, đối với những thứ không thể nghĩ bàn thì phủ định, như vậy thì không thể nào hiểu rõ được Phật pháp. Bởi vì Phật pháp chính là không thể nghĩ bàn. Nếu đứng từ góc độ có thể nghĩ bàn để lý giải, thì những gì bạn lý giải được chỉ là cặn bã trong cặn bã, như vậy thì mãi mãi cũng không vào được cửa.

Tiếp theo, nói về cảm ngộ học tập kinh văn phẩm thứ hai mươi một.

Cảm ngộ thứ nhất: hoa sen nở trong ao thất bảo, càng tinh tấn thì càng tươi đẹp.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc ngoài trừ hoa sen ra, tất cả đều là thường hằng không đổi, gọi là nhất chân pháp giới. Chỉ có hoa sen là có sanh có diệt. Vì sao vậy? Bởi vì tất cả mọi thứ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là tự tánh của A-di-đà Phật hiển hiện. Duy chỉ có hoa sen trong ao thất bảo là không phải. Vậy hoa sen đó từ đâu đến? Là do người niệm Phật niệm ra.

Tôi kể cho mọi người nghe một câu chuyện:

Thời xưa không phải là chế độ một vợ một chồng, nhất là những người làm quan, cả bày thê thiếp. Có một vị quan lớn, ông có một phu nhân và nhiều thê thiếp. Phu nhân của ông rất hiền lương, hết lòng tin Phật pháp, ăn chay niệm Phật, chuyên tu tịnh nghiệp, cầu sanh Tịnh độ. Nói bà hiền lương là vì bà không những chính mình tu Phật, mà còn dẫn dắt các thê thiếp, thị nữ, người làm cùng tu Phật, thật là một vị phu nhân hiền lương.

Có một vị thiếp qua đời, ban đêm báo mộng cho phu nhân, muôn vàn cảm tạ phu nhân. Cô dẫn phu nhân đi về phía Tây, thấy một ao báu rất là lớn, trong ao báu có một đóa hoa sen lớn, ánh sáng thù thắng. Vị thiếp báo phu nhân rằng, đây chính là nơi phu nhân sẽ sanh về. Xung quanh hoa sen lớn có rất nhiều hoa sen lớn nhỏ không đồng, màu sắc khác nhau. Những hoa sen này là của những người nhờ phu nhân giáo hóa và lần lượt giáo hóa mà phát tâm.

Phu nhân tỉnh dậy, vui buồn lẫn lộn, không bao lâu sau, vào ngày sinh nhật của mình, bà đã niệm Phật vãng sanh Tây Phương.

Hoa sen của thế giới Cực Lạc có đặc điểm gì?

Có sanh có diệt, vì sao vậy? Không phải do tự tánh của A-di-đà Phật hiển hiện, mà là do người niệm Phật niệm ra, cho nên có sanh có diệt. Hoa sen thay đổi theo sự thay đổi của người niệm Phật.

Người niệm Phật niệm Phật càng tinh tấn thì hoa sen sẽ càng lớn, càng tươi đẹp.

Người niệm Phật giải đãi, lúc niệm lúc không, hoa sen sẽ càng lúc càng nhỏ, màu sắc càng lúc càng ảm đạm, héo úa.

Người niệm Phật thoái tâm đạo, không niệm Phật nữa, hoa sen sẽ khô héo rồi chết.

Hoa sen trong ao thất bảo là do người niệm Phật niệm ra, trên đó có tên của người niệm Phật. Khi người niệm Phật vãng sanh, A-di-đà Phật sẽ cầm đóa sen đó đến tiếp dẫn họ.

Các đồng tu tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật chúng ta, trong ao thất bảo của thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều có một đóa sen mang tên của bạn. Kích thước, ánh sáng, màu sắc hoa sen của mỗi người mỗi khác, đó là do công phu niệm Phật sâu cạn và mức độ tinh tấn của mỗi người quyết định. Thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ thì hoa sen của bạn nhất định sẽ càng lúc càng lớn, khi bạn vãng sanh, A-di-đà Phật sẽ cầm đóa sen này đón bạn về nhà.

Cảnh ngộ thứ hai: thế giới Cực Lạc có cảnh giới trùng trùng vô tận, cảnh giới này tình kiến của chúng sanh không thể đạt tới. Chỉ có vượt ngoài tình kiến thì mới có thể nhận thức được thế giới không thể nghĩ bàn này.

Vì sao có người đã học Phật mấy mươi năm, đến nay vẫn chưa có tin tức gì? Một nguyên nhân quan trọng nhất chính là họ không tin Phật, không tin thế giới Cực Lạc, cùng lắm chỉ được xem là tin một nửa thôi, còn một nửa kia là gì? Là nghi. Nửa tin nửa ngờ thì làm sao có tin tức được? Tôi nói lời này sẽ đắc tội với người khác, nhưng lời tôi nói là chân tướng sự thật, tin hay không tùy bạn.

Trước đây tôi từng nói, tin Phật, tin thế giới Cực Lạc, có hai con đường: một con đường là thân chứng; một con đường là ngưỡng tin. Hai con đường này, đi thông con đường nào cũng được. Thế nhưng rất nhiều người cả hai đường đều đi không thông. Vì sao vậy? Họ không thừa nhận thế giới Cực Lạc là một thế giới

không thể nghĩ bàn. Thân chứng thì không có năng lực; ngưỡng tin thì lại không cam tâm tình nguyện: “Tôi chưa tận mắt nhìn thấy, dựa vào đâu bắt tôi tin?” Thế là họ tìm mọi cách để tìm ra cái “có thể nghĩ bàn” mà họ thừa nhận trong cảnh giới không thể nghĩ bàn của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Liệu có tìm được không? Không tìm được, mệt đến chết cũng không tìm được. Vì sao vậy? Bởi vì thế giới Cực Lạc là thế giới không thể nghĩ bàn, bạn đi đâu để tìm thứ có thể nghĩ bàn?

Có người muốn từ trong Phật pháp tìm ra thứ có thể nghĩ bàn, đối với những gì có thể nghĩ bàn thì thừa nhận, đối với những gì không thể nghĩ bàn thì phủ định. Hoàng Niệm lão nói về điều này như sau: “Như vậy thì không thể nào hiểu rõ được Phật pháp, bởi vì Phật pháp chính là không thể nghĩ bàn. Nếu đứng từ góc độ có thể nghĩ bàn để lý giải, thì những gì bạn có thể lý giải chỉ là cặn bã trong cặn bã, như thế mãi mãi cũng không vào được cửa.”

Các đồng tu, đã nghe hiểu chưa? Mỗi ngày chúng ta đang làm gì vậy? Không phải là thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, mà là mỗi ngày làm bạn với cặn bã trong cặn bã. Là làm những gì? Ở trong thứ không thể nghĩ bàn đi tìm cái có thể nghĩ bàn, thật là ngu si.

Làm thế nào giải quyết vấn đề này? Chỉ có một con đường: vượt ngoài tình kiến. Vượt lên tình chấp thế tục, lìa xa ngã kiến. Phải tin vào những điều không thể nghĩ bàn mà Phật đã nói, đừng đi khảo chứng cái này, khảo chứng cái nọ nữa. Hãy nghĩ xem, thọ mạng của bạn bao lâu, có đủ cho bạn dùng để khảo chứng không? Một cái còn chưa khảo chứng ra thì thọ mạng đã hết rồi, điều này không phụ thuộc vào ý muốn của bất kỳ ai.

Cảm ngộ thứ ba: tôi đi con đường ngưỡng tin, tôi đã đi đúng.

Nói một chút về thể hội thực tế của bản thân tôi:

Tôi học Phật hơn hai mươi năm, con đường tôi đi là con đường ngưỡng tin. Tôi là một người biết lượng sức mình, tôi biết mình là người chậm lụt, không có năng lực thân chứng, vậy thì chúng ta hãy ngưỡng tin. Sự ngưỡng tin của tôi là thật, không pha chút giả dối nào. Tôi tin Phật, y giáo phụng hành; tôi tin thầy, y theo lời dạy của thầy mà không hề sai trái. Từ ngày tôi quyết định tin Phật, tôi đã hoàn toàn giao phó bản thân mình cho A-di-đà Phật, trước giờ chưa từng thay đổi; từ lần đầu tiên nghe lão pháp sư giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi đã xác định rõ đây chính là người thầy mà tôi muốn tìm, tôi sẽ không rời xa thầy nữa, điều này cũng chưa bao giờ từng thay đổi; từ ngày đầu tiên tôi gặp lão pháp sư, tôi đã

giao phó bản thân mình cho chúng sanh. Tất cả những gì của tôi đều thuộc về chúng sanh khổ nạn, không có thứ gì thuộc về tôi cả, điều này cũng trước giờ chưa từng thay đổi.

Vì sao tôi lại làm những việc này? Bởi vì tôi tin A-di-đà Phật, nên tôi giao phó bản thân cho A-di-đà Phật; bởi vì tôi tin lão pháp sư, nên tôi có thể tuân theo lời dạy của thầy mà không làm trái; bởi vì có tấm gương của lão pháp sư ở phía trước, nên tôi đã giao phó bản thân mình cho chúng sanh. Để phục vụ chúng sanh tốt hơn, tôi đã phát nguyện: “nguyện mong tất cả đều thành Phật”, “vì pháp xả thân cũng thân nhiên.” Đây là nguyện, không phải là khẩu hiệu.

Hơn 20 năm qua, tôi đã trải qua rất nhiều rèn luyện và thử thách, các cửa ải khó khăn cứ nối tiếp nhau. Nhờ sự gia trì từ sức oai thần không thể nghĩ bàn của chư Phật Như Lai, nhờ sự hộ trì từ bi của sư phụ ngài, những cửa ải khó khăn này tôi đều đã vượt qua. Chính những rèn luyện và thử thách này đã giúp tôi trưởng thành, giúp tôi chín chắn, giúp tôi thành tựu. Tôi cảm ơn tất cả. Tôi sẽ tiếp tục bước đi, sinh mạng chưa kết thúc thì sẽ không dừng phục vụ.

Tiếp theo, tôi giảng kinh văn phẩm thứ hai mươi hai.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI: QUYẾT CHỨNG CỰC QUẢ

Kinh văn phẩm này là sự tổng kết về cảnh tượng của thế giới Cực Lạc. Cõi nước Phật ấy, thanh tịnh trang nghiêm, không cấu không nhiễm, tâm tánh và cảnh tượng không hai. Những người vãng sanh trong nước Cực Lạc, nội tâm hoàn toàn không có niệm phân biệt, đối với cảnh tượng của Tịnh độ, không có bất kỳ sự chấp trước hay lưu luyến nào. Bởi vì không có phân biệt, mà thanh tịnh bình đẳng, cho nên chỉ hưởng thụ niềm vui tối thượng thanh tịnh tự tại, trụ nơi chánh định tự, nhất định thành Phật.

Mời xem kinh văn:

Lại nữa A-nan, cõi nước Phật ấy không có hiện tượng tối tăm, ánh lửa, nhật nguyệt, tinh tú, ngày đêm; cũng không có tên năm tháng, kiếp số; lại không có việc tham chấp nhà cửa. Hết thấy mọi nơi, không có ký hiệu, danh hiệu; cũng không có chọn lựa, phân biệt; chỉ thọ niềm vui thanh tịnh tối thượng.

“Quyết chứng cực quả”, đại nguyện của A-di-đà Phật chính là như thế. Vì sao muốn thành tựu thế giới Cực Lạc? Chính là vì để tất cả chúng sanh thành Phật. Do vậy, người vãng sanh sẽ “quyết chứng cực quả”. Trong cõi Phật ấy,

không có các hiện tượng tối tăm, ánh lửa, nhật nguyệt, tinh tú, ngày đêm, v.v.. Vì không có đêm tối, nên không cần dùng ánh lửa, tinh tú, nhật nguyệt để chiếu soi. Không có nhật nguyệt thì không có ban ngày và ban đêm, cũng không có tháng năm, ngày tháng năm kiếp đều không có, điều này đã phá vỡ khái niệm về thời gian.

Hai bản dịch thời Hán và thời Ngô nói rằng: nhật nguyệt ở trên không. Có mặt trời và mặt trăng ở trong không gian, nhưng mặt trời và mặt trăng không chuyển động. Trong bản dịch thời Ngụy không đề cập đến. Bản dịch thời Đường và thời Tống nói rằng: không có nhật nguyệt. Kinh này chọn theo hai bản dịch thời Đường và thời Tống. Đại sư Liên Trì giải thích rằng, nếu xét cả trong các bản dịch cũ, thì tuy có mặt trời và mặt trăng, nhưng ánh sáng của Phật rất lớn, giống như “trăng sáng thì sao thừa”, khi mặt trăng rất sáng thì nhiều ngôi sao sẽ không nhìn thấy được nữa. Đại sư lại nói, không có nhật nguyệt là chánh thuyết. Bởi vì từ trời Đao-lợi trở lên đã không cần đến mặt trời và mặt trăng rồi, hướng hồ là Cực Lạc! Không có nhật nguyệt, đương nhiên không có những danh xưng về thời gian như tháng năm kiếp số. Hai bản dịch thời Hán và thời Ngô nói: “Mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao đều dừng ở giữa hư không”, cũng là kết luận tương tự.

Trái đất tự quay một vòng là một ngày, trái đất quay quanh mặt trời một vòng là một năm. Bản thân trái đất đang quay, mặt trời cũng đang quay, hệ mặt trời đang quay, và dải ngân hà cũng đang quay, cho nên mới xuất hiện thời gian dài ngắn khác nhau. Nếu mặt trời, mặt trăng, trái đất căn bản không chuyển động thì cũng không có ngày đêm, không có năm, không có kiếp. Có thể thấy, thời gian là do sự vận động tạo ra. Vận động là do vọng niệm tạo ra. Nếu lìa khỏi ý niệm thì cái gì gọi là quá khứ, hiện tại, vị lai? Người tu thiền định, hể nhập định là trải nhiều ngày, thậm chí nhiều năm, giống như vừa mới trải qua vài phút. Ông Einstein nói: thời gian là cảm nhận sai lầm của nhân loại. Do vọng niệm tiếp nối, cho nên mới cảm thấy có thời gian.

Thế giới Cực Lạc cũng không có “tham chấp nhà cửa”. Điều này không hề mâu thuẫn với “nhà cửa nơi ở” trong phẩm “Thọ dụng cụ túc”. Phẩm này không phải là nói nhà cửa căn bản không hề tồn tại, mà là nói tuy có nhà cửa, song không có sự chấp trước và lưu luyến. Đối với nhà cửa theo bên mình, họ không cho rằng đó là sở hữu của mình. Đồng thời cũng không cảm thấy đó là nơi ở không thể tách rời của mình, cho nên nói “không có tham chấp”, càng không cho rằng đây là nhà của mình. Đương nhiên cũng không có những tình chấp như yêu nhà, luyến

nhà, nhớ nhà, v.v., cho nên nói không có “nhà cửa”. Đồng thời cũng không có ký hiệu, số nhà, tên gọi. Nhân dân Cực Lạc mỗi ngày nghe được đều là pháp âm “vô ngã”, hơn nữa vừa nghe thì tự tâm liền tương ứng, không có ngã tướng, trong tâm tự nhiên liền thanh tịnh. Ngay cả “ta” còn không tồn tại thì làm gì có nhà cửa nào của ta? Hơn nữa đại chúng đều là vô ngã, thì còn cần gì theo niệm mà hiện ra nhà cửa, ký hiệu, danh hiệu nữa? Vốn dĩ không có hết thấy sự phân biệt, hà tất phải “vẽ rắn thêm chân”.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc đã sanh, hoặc sẽ sanh thì đều an trụ nơi chánh định tụ, nhất định chứng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Nếu là tà định tụ hay bất định tụ thì không thể biết rõ và kiến lập cái nhân ấy được.

Phật lại nói: nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc đã vãng sanh, hoặc sẽ vãng sanh, đều vào “chánh định tụ”, nhất định thành Phật. Chánh định tụ, tà định tụ, bất định tụ, gọi là tam tụ. “Tụ” chính là sự tụ hợp theo loài, cũng tức là chủng loại. Về cách giải thích tam tụ, Đại thừa và Tiểu thừa có sự khác biệt rất lớn. Tịnh độ là pháp Nhất thừa, là Đại thừa thuần nhất, cho nên ở đây không giới thiệu cách nói của Tiểu thừa, chúng ta hãy xem Đại thừa. Đại thừa cũng có nhiều cách nói khác nhau, nay chỉ lựa chọn cách giải thích phù hợp với trình độ của tín đồ Phật giáo hiện nay:

1. Trong Đại Trí Độ Luận nói: có thể chắc chắn chứng nhập bát-niết-bàn, viên mãn Phật quả vô thượng, gọi là chánh định tụ; ngược lại, nhất định đọa vào ba đường ác, gọi là tà định tụ; lúc tốt lúc xấu, tiến thoái vô chừng, trước mắt chưa thể quyết định là thành công hay đọa lạc, gọi là bất định tụ.

2. Trong Thích Đại Diễn Luận nói: trước địa vị Thập tín, gọi là tà định tụ. Vì sao vậy? Bởi vì bạn không tin vào nguyên nhân của nghiệp quả báo. Nếu thực sự tin rằng tạo nghiệp phải chịu quả báo, thì bạn có dám phá giới không, bạn có dám làm việc xấu không? Vì sao bạn dám làm? Bởi vì bạn không tin rằng nhất định sẽ phải chịu quả báo xấu. Người thông thường nói trên miệng thì tin, nhưng trong hành động thực tế lại không tin. Nếu thật sự tin, bạn có dám phá giới không? Vì sao bạn không nghiên cứu giới luật, lấy giới luật làm người thầy thực sự của mình? Vì sao phá giới rồi không nhanh chóng sám hối? Cho nên, bạn chính là không thật tin, do vậy được coi là tà định.

Tam hiền thập thánh, gọi là chánh định tụ. Tam hiền là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, là những bậc hiền nhân của Nhất thừa, gọi là tam hiền. Đến Thập địa, chính là thập thánh. Đã trở thành hiền thánh thì ắt vào niết-bàn.

Địa vị Thập tín, gọi là bất định tụ, vì họ lúc tiến lúc thoái, lên xuống vô chừng. Thế nhưng trước đó, không tin nghiệp quả báo, nên là tà định. Do đó cũng giống như trước đó, nhất định phải vào đường ác, nên là tà định.

Đến được tam hiền, thập địa, chắc chắn vào niết-bàn, mới là chánh định tụ. Cho nên đây là cảnh giới cao tột trong Phật giáo.

Trong kinh nói, chúng sanh vãng sanh về cõi ấy đều trụ chánh định tụ, thuộc về loại chánh định, tương đương với loại tam hiền thập thánh chắc chắn vào niết-bàn. Sư Cảnh Hưng nói, nếu sanh về Tịnh độ, không luận là phàm hay thánh, nhất định đều hướng về niết-bàn. Người vãng sanh nhất định phải hành lục độ, nhất định sẽ đắc giải thoát, cho nên chắc chắn là chánh định.

Sách Chân Giải dựa theo ý của đại sư Thiện Đạo nói rằng, tất cả chúng sanh ở Tịnh độ đều là Đại thừa, cho nên cũng đều trụ vào chánh định tụ. Có những vị hiện tướng thập địa tam hiền, song về bản thể thì chắc chắn vào niết-bàn, bởi vì tam hiền thập thánh, ngay nơi tướng chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Chân Giải cho rằng, bản thể của tam hiền thập thánh chính là pháp thân, cho nên là vào chánh định tụ, do vậy “nhất định chứng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề”.

Hiện nay điều cần đặc biệt chú ý là: bản dịch thời Đường và thời Tống không chỉ là “đã sanh”, mà ngay cả “sẽ sanh” cũng trụ vào chánh định tụ. Ở thế giới này của chúng ta, có những người sắp sanh đến thế giới Cực Lạc, đó chính là “sẽ sanh”. Nếu có người thật vì sanh tử, phát tâm bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, thì phù hợp với đại nguyện của Di-đà, khi người này mạng chung, Phật nhất định sẽ từ bi gia hộ, tiếp dẫn vãng sanh. Do đó, người tu hành như vậy chính là “sẽ sanh”.

Người “sẽ sanh” không cần đợi sanh đến thế giới Cực Lạc, mà hiện tại họ đã là chánh định tụ rồi, đã không thoái chuyển nơi A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Đây quả thực là phương tiện độ sanh không thể nghĩ bàn, hiển thị công lao kỳ diệu của sáu chữ hồng danh trong biển nguyện Nhất thừa.

Ngay đời này có thể trụ vào chánh định tụ, đây cũng chính là ý của đại sư Thiện Đạo. Người đời suy tôn đại sư Thiện Đạo là hóa thân của Di-đà. Đại sư Liên Trì tán thán rằng: dầu không phải là hóa thân của Di-đà, thì ắt cũng là bậc ngang hàng với Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền. Khi đại sư Thiện Đạo

giáo hóa ở Trường An, người người trong thành Trường An đều niệm Phật. Đại sư Thiện Đạo chủ trương rằng, lợi ích của chánh định tụ thông cả hai cõi này và cõi kia. Cõi kia là Cực Lạc, cõi này là Ta-bà.

Sách Chân Giải nói: “Chánh định tụ ở cõi này là lợi ích ẩn tàng, chánh định tụ ở cõi kia là lợi ích hiển lộ.” Mọi thứ ở thế giới Cực Lạc đều là tăng thượng, nên có thể trụ chánh định tụ thì nhất định không thoái chuyển A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tất cả đều là lợi ích vô cùng rõ rệt, đây chính là ý nghĩa của lợi ích hiển lộ.

Ở thế giới này của chúng ta, nếu bạn thực sự có thể tín nguyện trì danh, phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật thì đời này sẽ vãng sanh, ngay hiện tại bạn cũng đang trụ vào chánh định tụ, không thoái chuyển A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Đây chính là ý nghĩa của lợi ích ẩn tàng. Lợi ích này không rõ ràng như vậy, bản thân bạn cũng không biết, người khác cũng không biết, nhưng bạn xác thực đã được lợi ích này. Do vậy gọi là lợi ích ẩn tàng.

Chân Giải lại nói: “Nếu là lợi ích ẩn tàng trong hiện đời thì đó là nghĩa độc đáo của ngài đây.” Người Nhật Bản vô cùng tôn sùng đại sư Thiện Đạo, gọi ngài là “ngài đây”. “Ngài đây” mang ý nghĩa là vô cùng thân thiết, vô cùng kính ngưỡng. Một người “sẽ sanh”, tuy thân còn ở thế giới Ta-bà, nhưng đã đạt được lợi ích của trụ chánh định tụ. Đây là kiến giải độc đáo của đại sư Thiện Đạo.

Khi lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập kinh này, ngài đã đưa vào kinh văn của hai bản dịch thời Đường và Tống, chính là tâm tâm tương ấn với đại sư Thiện Đạo. Bản dịch thời Đường nói: “Nếu là người sẽ sanh thì thấy đều rất ráo vô thượng bồ-đề, đến cõi niết-bàn. Vì sao vậy? Vì nếu là tà định tụ và bất định tụ thì không thể biết rõ và kiến lập cái nhân ấy được.” Trong đây, câu then chốt là: “Nếu là tà định tụ và bất định tụ thì không thể biết rõ và kiến lập cái nhân ấy được.” Đây là phương pháp phản chứng. Nếu bạn là người thuộc tà định tụ hoặc bất định tụ thì không thể kiến lập được cái nhân “sẽ sanh” này. Cái nhân “sẽ sanh” là gì? Chính là “thật vì sanh tử, phát tâm bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật”. Đây là lời của tổ thứ mười hai của Tịnh tông - đại sư Triệt Ngộ. Mọi người nhất định phải phát tâm lớn, giải quyết vấn đề sanh tử, đừng trôi lăn hụp xuống trong lục đạo, oan uổng chịu luân hồi nữa. Bạn vốn dĩ chính là Phật, hiện nay chỉ là đang gặp cơn ác mộng, vô cùng khủng khiếp. Mộng một khi chưa tỉnh thì y hệt như thật. Do vậy chúng ta phải mau chóng đánh thức mọi người. Trước tiên bản thân chúng ta phải tỉnh, nếu mình còn trong mộng, vậy bạn có thể đánh thức người khác được không? Bạn muốn tự giác giác tha, thức tỉnh khỏi cơn ác mộng thì phải

thật vì sanh tử, phát tâm bồ-đề, tin sâu nguyện thiết, trì danh hiệu Phật. Bạn phải thực sự phát tâm, tín nguyện trì danh, đó chính là cái “nhân ấy”. Những kẻ tà định tụ và bất định tụ không thể kiến lập được nhân ấy. Người có tà kiến, liệu họ có thể thật sự phát tâm, tín nguyện trì danh không? Điều này là không thể. Do vậy nói, không thể kiến lập được cái nhân ấy.

Không chỉ tà định tụ không thể kiến lập nhân ấy, mà bất định tụ cũng không thể kiến lập nhân ấy. Hôm nay phát tâm, ngày mai thoái tâm, tiến tiến thoái thoái, lên lên xuống xuống, không chịu nổi thử thách thì thuộc về bất định tụ. “Trứng cá, hoa xoài, bồ-tát sơ phát tâm, ba việc trong nhân nhiều.” Giống như cá đẻ trứng rất nhiều, nhưng thành cá thì cực ít; hoa xoài nở rất nhiều, nhưng kết quả thì rất ít; Bồ-tát sơ phát tâm rất nhiều, nhưng thành Phật thì rất ít. Nếu bạn thật vì sanh tử, phát tâm bồ-đề thì động lực này sẽ khác hẳn. Bạn sẽ từ nguyện mà khởi hạnh, tin sâu nguyện thiết, trì danh hiệu Phật. Hạnh này sẽ bảo chứng cho nguyện. Tu trì như vậy, A-di-đà Phật sẽ phái 25 vị Bồ-tát thường xuyên bảo hộ bạn, tránh được tất cả sự quấy nhiễu của ma.

Nếu thực sự phát tâm niệm Phật, sẽ được sự gia trì của Phật, chắc chắn vãng sanh Cực Lạc, chắc chắn thành Phật. Đây chính là trụ vào chánh định tụ, cũng sẽ không thoái chuyển A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Người thuộc bất định tụ không có lòng kiên trì, cũng không có sự phát tâm chân thật, nên không thể thiết lập được nhân vi diệu để thành Phật.

Người “sẽ sanh” cũng giống như người vãng sanh Cực Lạc, đều trụ vào chánh định tụ, nhất định thành Phật. Đây là điều kinh A-di-đà đã nói. Kinh văn là: “Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về nước của A-di-đà Phật, những người ấy đều được không thoái chuyển A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.” Bạn chỉ cần thật sự phát nguyện, nguyện sanh thế giới Cực Lạc, bạn sẽ không thối chuyển A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Không thối chuyển A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, chẳng phải là đã trụ vào chánh định tụ rồi sao?

Hai bộ kinh Đại bản và Tiểu bản này, nghĩa kinh hoàn toàn tương hợp, chứng minh người “sẽ sanh” Cực Lạc, thân tuy vẫn ở Ta-bà, nhưng đã giống như người vãng sanh là “vào chánh định tụ”. Đây thật là việc may mắn vô thượng! Do vậy, sau khi nghe được pháp môn Tịnh độ, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã một mình ở trong phòng cười suốt mấy ngày. Ngài cười gì vậy? Ngài nói, lần này tôi đã tìm được đường thoát ly rồi, nếu không thì nơi nào có đường? Nếu chỉ biết ở đó viết vài bài luận văn, song nó không thể làm hộ chiếu cho bạn được, bạn chẳng đi đâu

được, thế thì có ích gì! Cho nên điểm này vô cùng, vô cùng quan trọng. Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!